

Bản án số: **128/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 15 - 12- 2023

“V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

- Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Chung Kim Sang**

2/ Ông Nguyễn Quốc Tiến

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn** – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 487/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2023/QĐST-HNGĐ, ngày ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:**

*** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 12/12/1988 (Có mặt)**

Địa chỉ: Số 235/6 đường C, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Trung H, sinh ngày 03/11/1980 (Vắng mặt)**

Địa chỉ: Số 25 F8 đường C, phường L1, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. (Số mới: 50 đường C, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày **07/08/2023**; trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị L và anh H tự quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2005. Anh, chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Lạc thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 12/12/2007. **Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại gia đình bên chồng tại số 25 F8**

đường Lê Chân, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. **Đến cuối năm 2007 thì chị L về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay.**

Lý do yêu cầu xin ly hôn: Do tính tình hai bên không hoà hợp, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, mặc dù vợ chồng cố gắng khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 18/12/2006, chị L đồng ý giao người con chung cho anh H nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Trung H và anh H là bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Trung H không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; nhưng anh H cố tình vắng mặt. Tại phiên tòa, chị L yêu cầu xét xử vắng mặt anh H theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh H.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Trung H được xác lập trên cơ sở tự nguyện; Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật đã được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 12/12/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh H không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẽ, chị L xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn đến năm 2007 và đã sống ly thân đến nay. Nguyên nhân do tính tình hai bên không hoà hợp, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, mặc dù vợ chồng cố gắng khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Trong thời gian chị L, anh H sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh H không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của chị L cũng như chứng cứ do chị L cung cấp.

Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh H là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh H.

[5] Về quan hệ con chung: Chị L xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 18/12/2006 đang sinh sống cùng anh H, chị L giao người con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Mặc khác, theo nguyện vọng của cháu Đ cũng mong muốn được sinh sống cùng với cha (anh H) (được thể hiện tại biên bản trình bày ý kiến ngày 27/11/2023). Chị L không cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh H có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Trung H.

2. Về con chung: Giao người con tên Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 18/12/2006 cho anh Nguyễn Trung H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị L có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị L được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002635 ngày 013/09/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận :**

- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND TP. G
- Chi cục THA Dân sự TP.G
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Thị Thùy Linh